SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566
Email: ttqttnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17
Ngày BH: 01/3/2025

Số: 43/66/N/0225

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 10/3/2025

Khách hàng (Cơ quan): Công ty TNHH MTV The Fruit Republic Cần Thơ

Địa chỉ: B15-1 đường 1A, Khu công nghiệp Hưng Phú 1, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP Cần Thơ

Ngày thu/nhận mẫu: 25/02/2025 **Ngày thử nghiệm:** 25/02/2025

Loại mẫu (ký hiệu): Nước thải (NT1) **Số lượng:** 01

Tình trạng mẫu: Bình thường

Lưu mẫu: ☒ Không; ☐ Có, đến ngày:

Đo đạc hiện trường: Có – Theo biên bản lấy mẫu hiện trường số 0032

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,08
2	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/L	TCVN 6625:2000	6
3	Nhu cầu oxi sinh hóa (BOD_5)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	2
4	Nhu cầu oxi hoá học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	5,1
5	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638-2000	2,0
6	Tổng Phốtpho	mg/L	SMEWW 4500- P B&E:2017	0,03
7	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	KPH (MDL=0,16)
8	Cadimi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B: 2017	KPH (MDL=0,001)
10	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2017	KPH (MDL=0,001)
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3112B: 2017	KPH (MDL=0,0003)
12	Sunfua (S^{2-})	mg/L	SMEWW 4500-S^{2-}.B&D:2017	KPH (MDL=0,02)
13	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	KPH (MDL=0,3)
14	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,5
15	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	4
16	Độ màu(1)	Pt-Co	TCVN 6185:2015	KPH (MDL=7)

1.Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2.Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TP. CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CENTER FOR NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT MONITORING
Số 08 đường Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 8, P.An Bình, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 02923.891199 – 02923.735579 – Fax: 02923.815566
Email: ttqttnmt@cantho.gov.vn

Số hiệu: Bm05-TT17
Ngày BH: 01/3/2025

Số: 43/66/N/0225

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày trả: 10/3/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả
	Hóa chất BVTV họ clo hữu cơ(1)	µg/L	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH
	α-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	β-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	γ-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	δ-BHC	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Heptachlor	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Heptachlor epoxide	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endosulfan I	µg/L		KPH (MDL=0,01)
17	*Endosulfan II*	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Aldrin	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Dieldrin	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	4,4' - DDT	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	4,4' - DDE	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	4,4' - DDD	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endrin adehyde	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Endosulfan sunfate	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Methoxychlor	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ(1)	µg/L	US EPA Method 3510 + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH
	Fenthion	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Malathion	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Chlopyrifos	µg/L		KPH (MDL=0,01)
18	*Parathion-ethyl*	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Parathion-Methyl	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Diazinon	µg/L		KPH (MDL=0,01)
	Mevinphos	µg/L		KPH (MDL=0,01)

Ghi chú: thực hiện theo Giấy chứng nhận số 28/GCN-BTNMT ngày 29/8/2022 (mã số VIMCERTS 131).
(1)phân tích ở Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu.
"KPH": không phát hiện; MDL: giới hạn phát hiện.
- Vị trí thu mẫu: tại điểm đấu nối nước thải của công ty vào cống thoát nước chung của khu công nghiệp Hưng Phú 1, tọa độ VN2000 (1104752; 590274)

TRƯỞNG PHÒNG QUAN TRẮC VÀ THỬ NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Khánh Luân

GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đoàn Thanh Tâm

1.Tên mẫu, ký hiệu mẫu ghi theo yêu cầu của khách hàng; 2.Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, không lưu mẫu; 3. Khi khách hàng có yêu cầu lưu, Trung tâm sẽ lưu theo các điều kiện thích hợp với tính chất của mẫu và thông thường mẫu được lưu 5 (năm) ngày tính từ ngày Trung tâm ký ban hành Phiếu KQTN.